

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 07/7/2021  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tư.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2021 và Thông báo dời phiên tòa số 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Võ Hoàng T**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã H, huyện G, tỉnh B.

**Bị đơn:** Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã H, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Hoàng T trình bày: Chị và anh Đ kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chị T tại Bến Tre được khoảng 01 tháng thì anh Đ về ấp X, xã, huyện C, tỉnh T và đã ly thân từ tháng 8/2003 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Con chung: Có 01 cháu tên Lê Thị Hoài A, sinh năm 2002. (Đã trưởng thành) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa anh Đ vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến bằng văn bản về chị T xin ly hôn với anh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” theo qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh Đ kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 23/7/2003 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định chị và anh Đ kết hôn vào năm 2003, sau khi đăng ký kết hôn khoảng 01 tháng thì ly thân từ tháng 8/2003 cho đến nay, do vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh Đ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, chị T và anh Đ kết hôn nhưng không có tình cảm nên sau khi đăng ký kết hôn được khoảng 01 tháng thì đã ly thân, thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn, đoàn tụ, chị T xác định không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết ly hôn còn anh Đ không có mặt để trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn với anh, điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Con chung: Có 01 cháu tên Lê Thị Hoài A, sinh năm 2002 (đã thành niên, lao động được).

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Chị Võ Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Hoàng T.

Cho chị Võ Hoàng T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Án phí: Chị Võ Hoàng T phải chịu 300.000đ. (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ. (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006447 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị Võ Hoàng T đã thi hành xong phần án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Lễ.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Phượng**